

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:84/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/11/2018

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thanh Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt**

2. Ông **Phạm Xoa**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Thanh Phúc** - Cán bộ Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng: Bà **Trần Nhã Minh Hoàng** - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu - thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 214/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 09 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2018/QĐST- HNGĐ ngày 12/11/2018 giữa các đương sự :

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị Minh Ng, sinh năm: 1960. Trú tại: Đường M, phường N, quận P, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

* Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm: 1955. Trú tại: Đường M, phường N, quận P, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Minh Ng trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Đức T kết hôn vào năm 1986, đăng ký kết hôn tại UBND phường p, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở tự nguyện.

Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, sinh hoạt vợ chồng không phù hợp nên thường xuyên lạnh lùng. Năm 1990 tôi cũng đã làm đơn ly hôn nhưng chồng tôi cũng xé bỏ, đến năm 2006 tôi làm đơn xin ly hôn đến Tòa án xin ly hôn nhưng rồi cũng rút đơn đề về vợ chồng giải quyết mâu thuẫn. Tuy nhiên, từ đó đến nay mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Đức T.

- Về con chung: Tôi và ông T trong quá trình chung sống có 02 người con chung tên: Nguyễn Đức M, sinh năm: 1987 và Nguyễn Đức C, sinh năm: 1992. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Minh Ng, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Minh Ng và ông Nguyễn Đức T tự nguyện kết hôn vào năm năm 1986, đăng ký kết hôn tại UBND phường p, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở tự nguyện.

Căn cứ vào lời trình bày của bà Ng thì thấy rằng giữa bà Ng và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, sinh hoạt vợ chồng không phù hợp nên thường xuyên lạnh lùng, tình cảm vợ chồng trên thực tế không còn. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Đức T đến giải quyết vụ án, nhưng ông T vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc xin ly của bà Ng, chứng tỏ ông T cũng không tha thiết hàn gắn tình cảm với bà Ng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Ng đối với ông T là phù hợp.

- Về con chung: Bà Ng và ông T quá trình chung sống có 02 người con chung tên: Nguyễn Đức M, sinh năm: 1987 và Nguyễn Đức C, sinh năm: 1992. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi. Ly hôn, bà Ng không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ng không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.
- * *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: 300.000 đồng bà Trần Thị Minh Ng phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Trần Thị Minh Ng đối với ông Nguyễn Đức T.

- Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà Trần Thị Minh Ng được ly hôn đối với ông Nguyễn Đức T

- Về quan hệ con chung: Đối với 02 con chung Nguyễn Đức M, sinh ngày 15/07/1987 và Nguyễn Đức C, sinh ngày 20/12/ 1992 đã trên 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ng không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Trần Thị Minh Ng phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số 0003722 ngày 04.9.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu (Bà Ngọc đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm).

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TRƯỞNG THANH PHÚC

.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QUẬN HẢI CHÂU

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. ĐÀ NẴNG

Hải Châu, ngày 22 tháng 9 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU- TP. ĐÀ NẴNG

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Kinh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Xoa**

Ông **Lê Truyền Bình**

Căn cứ vào Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự

Vào hồi 8 giờ 30 ngày 22/9/2017. Tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án ly hôn :

** Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Viết Quốc Phương – Sinh năm 1985

Trú tại: K408/H43/42 Hoàng Diệu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, *(có mặt)*.

** Bị đơn:* Bà Phan Thị Trân Châu – Sinh năm 1986

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ 59 (mới 23), phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, *(vắng mặt, không có lý do)*.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của ông Nguyễn Viết Quốc Phương và Bà Phan Thị Trân Châu

** Về quan hệ hôn nhân:*

Xử: cho ông **Nguyễn Viết Quốc Phương** được ly hôn đối với bà Bà Phan Thị Trân Châu

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

** Về con chung:* Giao con chung là Nguyễn Viết Quốc Bảo - Sinh ngày 18/9/2007 cho ông Phương trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không yêu cầu bà Châu cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung, các bên được thực hiện quyền và nghĩa vụ với con chung theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông Nguyễn Viết Quốc Phương phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số 9478 ngày 15.6.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu. Ông Phương đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biên bản làm xong đã đọc lại, các thành viên trong hội đồng xét xử cùng nghe, xác nhận ghi đúng và thống nhất ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN – THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

